

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03/3/2021

"V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Trĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thêm.

2. Ông Trần Xuân Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 03/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2020/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 20/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Mạnh A (tức Đỗ Tràng A), sinh năm: 1956.
(có mặt).

2. Bị đơn: Bà Văn Thị B, sinh năm: 1955 (vắng mặt).
Đều có HKTT, trú tại: thôn C, xã D, huyện K, Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3 Chị Tràng Thị E, sinh năm 1976.

2.3 Anh Đoàn Mạnh F, sinh năm 1978.

3.3 Anh Đoàn Mạnh G, sinh năm 1982

Đều trú tại: thôn C, xã D, huyện K, Hưng Yên.

4.3 Chị Đoàn Thu H, sinh năm 1981.

Trú tại thôn I, xã L, huyện M, tỉnh Bắc Ninh.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Đoàn Mạnh A trình bày

Về hôn nhân: Năm 1975, ông xây dựng gia đình với bà Văn Thị B, sinh năm 1955 là người cùng thôn C xã D huyện K tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự do tìm hiểu trong

khoảng 02 năm và tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc, ông, bà đã được UBND xã Liên Khê đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do thời gian đã lâu, giấy đăng ký thất lạc nên ông không cung cấp cho Tòa án được.

Sau khi kết hôn, bà B chuyển về chung sống cùng mẹ ông và ông tại thôn C, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (gia đình ông có hai anh em, bố ông đã mất trước đó từ lâu, còn anh trai ông đã hy sinh từ năm 1971). Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng ông diễn ra bình thường được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn giữa bà B và mẹ ông. Đến năm 1990, do mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu căng thẳng nên vợ chồng ông cùng các con phải đi ở nhờ gia đình bên ngoại là bà Văn Thị O (cô ruột bà B). Đến năm 2004, vợ chồng ông xây dựng gia đình riêng cho các con xong, do mẹ ông vẫn ở một mình và già yếu, ông động viên bà B về ở cùng để chăm sóc cho mẹ ông nhưng bà B không đồng ý. Đến năm 2008, ông lại tiếp tục động viên bà B quay về chung sống và chăm sóc mẹ ông nhưng bà B cương quyết không quay về, vì vậy ông và bà B đã ly thân, bà B sinh sống một mình, còn ông quay về chung sống và chăm sóc mẹ. Năm 2019, mẹ ông qua đời, ông động viên bà B về chịu tang và lo tang lễ nhưng bà B không đến và cũng không có trách nhiệm gì. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, trách nhiệm, tình nghĩa vợ chồng không có nên ông xin được ly hôn với bà B để cho đầu óc được thanh thản.

Về con chung: Vợ chồng ông có 04 người con chung, gồm: Chị Tràng Thị E, sinh năm 1976, anh Đoàn Mạnh F, sinh năm 1978, Đoàn Thu H, sinh năm 1981, Đoàn Mạnh G, sinh năm 1982, tất cả đã trưởng thành và có gia đình riêng, hiện chị E, anh F và anh G đang sinh sống tại thôn C xã D huyện K tỉnh Hưng Yên, còn chị H đang sinh sống, trú tại thôn I xã L huyện M tỉnh Bắc Ninh. Do các con ông đều đã trưởng thành nên ông không có quan điểm, yêu cầu gì.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp chung với hai bên gia đình, đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng: Ông A có quan điểm tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết, ông cung cấp bản sao Quyết định số 2102/QĐ/UB ngày 13/6/2002 về việc cải chính tên của ông từ Đỗ Tràng A thành Đoàn Mạnh A.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2020 của anh Đoàn Mạnh F là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:

Anh là con trai của ông A, bà B. Bố mẹ anh sinh được 04 người con gồm: Tràng Thị E, sinh năm 1976, Đoàn Mạnh F, sinh năm 1978, Đoàn Thu H, sinh năm 1980 và Đoàn Mạnh G, sinh năm 1982. Anh chứng kiến bố mẹ anh xảy ra mâu thuẫn từ khoảng 10 năm nay, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về tính cách. Bản thân anh đã hết sức khuyên bảo bố mẹ đoàn tụ nhưng không thành. Hiện tại bố mẹ anh đang sống ly thân, hai bên không quan tâm gì đến nhau. Quan điểm của anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo nguyện vọng của bố anh.

Về tài sản, công nợ, đất ruộng nông nghiệp: Anh không có gì liên quan với bố mẹ anh nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2020 của chị Tràng Thị E là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:

Chị là con gái của ông A, bà B. Bố mẹ chị sinh được bốn người con như anh F đã trình bày. Lý do chị mang họ “Tràng” là vì theo phong tục tập quán địa phương xã D thường lấy tên đệm của bố làm họ của con gái. Trước đây bố chị có họ tên là Đỗ Tràng A nhưng sau này đã cải chính thành Đoàn Mạnh A.

Chị E khẳng định đã chứng kiến bố mẹ chị xảy ra mâu thuẫn từ khoảng 10 năm nay, hiện tại bố mẹ chị đang sống ly thân. Mặc dù chị cùng các anh chị em trong gia đình đã hết sức khuyên bảo động viên bố mẹ chị đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay bố chị xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của bố chị.

Về tài sản, công nợ, đất ruộng nông nghiệp 03: Chị E khẳng định không có gì liên quan nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Mạnh G quan điểm trình bày:

Anh nhất trí như nội dung anh F đã trình bày. Bản thân anh cũng không có gì liên quan đến tài sản, công nợ, đất ruộng nông nghiệp 03 với bố mẹ anh nên anh không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết, anh F, chị E và G đều đề nghị xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đoàn Thu H: Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu đã triệu tập chị H đến Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu để tham gia tố tụng nhưng chị H không có mặt. Tòa án đã ra quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh để lấy lời khai của chị H nhưng hết thời hạn ủy thác không có kết quả. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu căn cứ vào khoản 5 Điều 105 Bộ luật dân sự để tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại UBND xã Liên Khê ngày 01/12/2020 xác định: Do ông A, bà B kết hôn nhiều năm nay nên UBND xã Liên Khê không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn để cung cấp thông tin cho Tòa án được. Tuy nhiên, chính quyền địa phương khẳng định ông A và bà B là vợ chồng. Kể từ khi kết hôn đến nay ông A, bà B chung sống tại thôn C, xã D. Quá trình chung sống, vợ chồng ông A đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không có hạnh phúc, hiện tại ông, bà đang sống ly thân. Đầu năm 2020, Ủy ban nhân dân xã D nhận được đơn xin ly hôn của ông A, Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức hòa giải động viên ông bà đoàn tụ nhưng ông A không đồng ý mà nhất quyết xin ly hôn nên Ủy ban nhân dân xã đã chuyển đơn xin ly hôn của ông A đến Tòa án để giải quyết theo thẩm quyền.

Về con chung: Vợ chồng ông A có 04 người con chung như ông A đã trình bày nêu trên. Riêng có một người con của vợ chồng ông A không mang họ bố mà mang họ “Tràng” là chị Tràng Thị E, sinh năm 1976. Lý do chị E mang họ “Tràng” là vì theo phong tục tập quán tại địa phương thì thường lấy tên đệm của bố làm họ của con gái (ông A trước đây có họ tên là Đỗ Tràng A nhưng sau này đã cải chính họ và tên đệm là Đoàn Mạnh A).

Ngoài ra, các vấn đề khác của vợ chồng ông A thì chính quyền địa phương không nắm được. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng ông A, bà B đoàn tụ, nếu không thành thì giải quyết cho ly hôn theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh ngày 30/12/2020, Phòng tư pháp huyện Khoái Châu cung cấp: Do không còn lưu trữ sổ sách nên không cung cấp được tài liệu cũng như thông tin liên quan đến việc kết hôn giữa ông A và bà B.

Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập bà B đến tham gia tố tụng, mặc dù nhận được và biết ông A đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhưng bà B đều không đến giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Ông Đoàn Mạnh A vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với bà Văn Thị B, đồng thời giữ nguyên quan điểm đã trình bày trước đây tại Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn vắng mặt không tuân theo quy định của pháp luật.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, các con của vợ chồng ông A đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng ông A đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Về án phí, ông A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 02/10/2020, ông Đoàn Mạnh A có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu giải quyết cho ông được ly hôn với bà Văn Thị B. Bà Văn Thị B có hộ khẩu thường trú, trú tại thôn C, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Vì vậy, căn cứ khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Đoàn Mạnh A và bà Văn Thị B kết hôn từ nhiều năm nay nhưng do thời gian đã lâu, ông A không còn lưu trữ được Giấy chứng nhận kết hôn. Qua xác minh tại chính quyền địa phương xã D cung cấp ông A, bà B kết hôn với nhau đã lâu, đến nay Ủy ban nhân dân xã không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn để cung cấp thông tin cho Tòa án. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã Liên Khê khẳng định ông A, bà B là vợ chồng hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng ông A đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không có hạnh phúc, hiện tại đang sống ly thân nhau, cả hai đều không quan tâm chăm sóc nhau trong nhiều năm nay; mâu thuẫn vợ chồng hiện đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cho ông A được ly hôn với bà B.

3. *Về con chung*: Vợ chồng ông A có 04 người con chung là Tràng Thị E, sinh năm 1976, Đoàn Mạnh F, sinh năm 1978, Đoàn Thu H, sinh năm 1980 và Đoàn Mạnh G, sinh năm 1982, hiện tại cả bốn người con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. *Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Do ông A không yêu cầu và bà B, chị H vắng mặt, chưa có ý kiến và yêu cầu phân chia nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi nào ông A, bà B, chị H có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

5. *Về án phí*: ông A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Tòa án.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử

1. *Về hôn nhân*: Cho ông Đoàn Mạnh A được ly hôn với bà Văn Thị B.

2. *Về nuôi con chung*: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:* Không đặt ra giải quyết. Khi nào ông A, bà B, chị H có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

4. *Về án phí:* ông Đoàn Mạnh A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông đã nộp theo Biên lai số 0002386, ngày 06/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu. Ông A đã thi hành xong phần án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/3/2021); bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Liên Khê;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Trinh

